

QUỐC HỘI
Nghị quyết số: 29/2016/QH14

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
VỀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị quyết số 27/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 466/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2016, Báo cáo số 470/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2016, Báo cáo số 522/CP-KTTH ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 183/BC-UBTCNS14 ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 56/BC-UBTVQH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và ý kiến đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng số thu và chi cân đối ngân sách trung ương năm 2017

1. Tổng số thu cân đối ngân sách trung ương là **729.730 tỷ đồng** (bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi tỷ đồng). Tổng số thu cân đối ngân sách địa phương là **482.450 tỷ đồng** (bốn trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Tổng số chi cân đối ngân sách trung ương là **902.030 tỷ đồng** (chín trăm linh hai nghìn, không trăm ba mươi tỷ đồng), trong đó dự toán **254.630 tỷ đồng** (hai trăm năm mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi tỷ đồng) để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 2. Phân bổ ngân sách trung ương năm 2017

1. Phân bổ ngân sách trung ương năm 2017 theo từng lĩnh vực và chi tiết từng bộ, cơ quan trung ương theo các phụ lục số 1, 2 và 6 kèm theo.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số bổ sung cân đối

ngân sách và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo phụ lục số 3, 4 và 6 kèm theo.

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2017 được giữ ổn định trong suốt thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020. Trường hợp đặc biệt phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách tác động tăng thu ngân sách địa phương lớn, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước.

3. Mức bội thu ngân sách, mức vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc (nếu có) của từng địa phương theo phụ lục số 5 kèm theo.

Điều 3. Giao Chính phủ

1. Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước và mức phân bổ ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan khác ở Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và thông báo bằng văn bản đến từng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương, tổng mức vay của ngân sách địa phương (bao gồm vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc), quyết định phân bổ dự toán ngân sách theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo các bộ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 theo đúng Nghị quyết của Quốc hội đến từng cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước trước ngày 31 tháng 12 năm 2016; thực hiện công khai, báo cáo kết quả phân bổ và giao dự toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

4. Chỉ đạo và hướng dẫn các bộ, ngành, cơ quan khác ở Trung ương và địa phương phân bổ vốn đầu tư phát triển ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các chương trình, dự án quan trọng quốc gia, các công trình cấp thiết đang đầu tư dở dang; hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng; ưu tiên vốn đối ứng cho các dự án ODA, dự án đối tác công tư (PPP), xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư. Trong quá trình điều hành, bổ sung vốn đầu tư và các nguồn tài chính khác để hỗ trợ các địa phương trọng điểm thu có tỷ lệ điều tiết giảm trong giai đoạn 2017-2020, tạo điều kiện cho các địa phương này phát huy vai trò động lực kinh tế cho cả nước.

5. Chỉ đạo các địa phương thực hiện sắp xếp các khoản chi để bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2017; đồng thời phân đầu tăng thu, tiết kiệm chi để nâng mức đóng góp của ngân sách địa phương trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Nhà nước ban hành.

Đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 30 Luật ngân sách nhà nước, phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính trong phạm vi dự toán chi ngân sách địa phương được giao hằng năm và nguồn tài chính khác để thực hiện.

Điều 4. Giám sát việc phân bổ ngân sách trung ương

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các Đại biểu Quốc hội trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc phân bổ ngân sách trung ương năm 2017 của các bộ, ngành, cơ quan khác ở Trung ương và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2016.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Nguyễn Thị Kim Ngân

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2017*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2016/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội)*

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2017
	<u>TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>	902.030
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	194.250
B	CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC	707.780
I	Chi đầu tư phát triển	179.700
II	Chi dự trữ quốc gia	850
III	Chi trả nợ lãi và viện trợ	100.200
1	Chi trả nợ lãi	98.900
2	Chi viện trợ	1.300
IV	Chi thường xuyên	404.630
1	Chi quốc phòng	124.700
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	67.600
3	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	22.194
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	987
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.401
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	2.916
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	8.731
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	408
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.886
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.915
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	650
9	Chi bảo đảm xã hội	85.838
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	505
10	Chi các hoạt động kinh tế	32.180
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	1.706
11	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.880
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	529
12	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	45.245
	<i>Trong đó chi bằng nguồn vốn vay, viện trợ</i>	226
13	Chi khác	410
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	6.600
VI	Dự phòng	15.800



PHỤ LỤC SỐ 2

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
THEO TỪNG LĨNH VỰC CHI VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2016/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2016)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CHI (KẾ CẢ CHI BẢNG NGUỒN VAY NỢ, VIỆN TRỢ)	I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN						II. CHI BỎ SUNG DỰ TRƯ QUỐC GIA	III. CHI TRẢ NỢ LÃI, VIỆN TRỢ
			TỔNG SỐ (đã bao gồm vốn thực hiện CTMTQG, CTMTD)	CHI ĐẦU TƯ XDCB			BÙ LÃI SUẤT VÀ PHÍ QUẢN LÝ TÍN DỤNG ĐẦU TƯ, TÍN DỤNG CSXH			
				TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC				
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	707.780.000	179.700.000	174.700.000	114.700.000	60.000.000	5.000.000	850.000	100.200.000	
1	Các Bộ, cơ quan Trung ương	437.609.762	70.116.339	65.216.339	32.373.459	32.842.880	4.900.000	850.000	336.780	
1	Văn phòng Chủ tịch nước	187.790								
2	Văn phòng Quốc hội	1.351.700	89.020	89.020	89.020					
3	Văn phòng Trung ương Đảng	1.860.980							9.000	
4	Văn phòng Chính phủ	1.310.110	383.800	383.800	383.800					
5	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	691.840	33.240	33.240	33.240					
6	Tòa án nhân dân tối cao	3.682.393	428.603	428.603	428.603					
7	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	3.335.140	309.700	309.700	309.700					
8	Bộ Công an	74.845.880	2.872.400	2.872.400	2.872.400			240.000		
9	Bộ Quốc phòng	143.272.110	11.020.030	11.020.030	10.622.608	397.422		240.000	290.000	
10	Bộ Ngoại giao	2.154.640	126.250	126.250	126.250					
11	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.363.349	6.229.526	6.229.526	1.496.970	4.732.556		88.000	37.780	
12	Ủy ban sông Mê Kông	34.820								
13	Bộ Giao thông vận tải	45.626.425	31.616.084	31.616.084	6.905.794	24.710.290				
14	Bộ Công thương	2.108.720	244.200	244.200	244.200					
15	Bộ Xây dựng	1.519.258	483.438	483.438	292.360	191.078				
16	Bộ Y tế	10.163.983	5.137.963	5.137.963	3.764.960	1.373.003		12.000		
17	Bộ Giáo dục và Đào tạo	6.071.844	914.594	914.594	371.018	543.576				
18	Bộ Khoa học và Công nghệ	2.748.850	95.130	95.130	95.130					